

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VỊ XUYỀN
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23-01-2025
“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông: Trần Xuân Đạt

Các Hội thẩm nhân dân: Ông: Nguyễn Minh Biên.

Bà: Trần Thị Hoài.

- Thư ký phiên tòa: Ông Chúng Minh Duẩn – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhật Tân, bà Hoàng Thị Loan- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 01 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 143/2024/TLST -HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 21/2024/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phan Thanh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H. (Vắng mặt).

Bị đơn: Chị Phan Thị S, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H. (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề 09 tháng 9 năm 2024 cùng các tài liệu kèm theo đơn khởi kiện, nguyên đơn anh Phan Thanh T trình bày:

Anh Phan Thanh T và chị Phan Thị S trước khi kết hôn được tự do, tự nguyện tìm hiểu, không bên nào bị ép buộc, được bố, mẹ hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống, có con với nhau trước năm 2015, sau đó đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H vào ngày 07/04/2017. Sau khi kết hôn hai vợ chồng anh T chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống nên thường

xuyên cãi, chửi nhau nhiều lần dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng đến nay tuy còn chung sống nhưng cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa mỗi người tự đi làm thuê kiếm sống mà không trao đổi gì với nhau. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên viết đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Phan Thị S để anh ổn định cuộc sống và có thời gian chăm sóc các con. Hiện nay thu nhập bình quân của anh T khoảng 8.000.000, đồng/tháng (tám triệu đồng chẵn)

Về con chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng anh T, chị S có hai con chung là Phan Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015 và Phan Đức H, sinh ngày 18/04/2017. Khi ly hôn anh T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là cháu Phan Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015 và Phan Đức H, sinh ngày 18/04/2017 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi. Không yêu cầu chị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn chị Phan Thị S từ khi Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh H thụ lý giải quyết cho đến khi xét xử, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã gửi thông báo thụ lý, triệu tập hợp lệ đối với chị Phan Thị S nhưng chị S không có mặt tham gia tố tụng. Tòa án đã tiến hành xác minh, phối hợp với chính quyền địa phương xã Minh Tân, huyện V tiếp tục tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án nhưng chị Phan Thị S vẫn vắng mặt. Vì vậy Tòa án không thu thập được các tài liệu, chứng cứ, bản tự khai của chị S. Tòa án căn cứ vào tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp và kết quả xác minh của Tòa án với chính quyền địa phương nơi chị Phan Thị S cư trú để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại Biên bản xác minh ngày 13/11/2024 của Tòa án huyện V được đại diện UBND xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H và Trưởng thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H cung cấp thông tin và xác nhận:

Anh Phan Thanh T, sinh năm 1996 và chị Phan Thị S, sinh năm 1996, được hai bên gia đình tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống, có con với nhau trước sau đó có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H vào ngày 07/04/2017, sau khi kết hôn hai vợ chồng anh T, chị S chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Hiện anh T và chị S tuy sống với nhau nhưng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Hiện chị S đi làm thuê một hai hôm lại về, nghỉ vài bữa lại đi làm thuê tiếp.

Quá trình chung sống anh Tuấn và chị Sang có 02 con chung là Phan Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015 và Phan Đức H, sinh ngày 18/04/2017. Cháu Phan Thị Hoài Tr, Phan Đức H hiện đang do anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập ổn định ở tại thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H.

Trưởng Thôn Phìn S xác nhận đã nhận, thông báo, bàn giao cho chị S đầy đủ các tài liệu của Tòa án gửi đến như Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, Thông báo phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp

tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, còn chị S có đến Tòa án làm việc hay không thì Trưởng thôn không biết. Trưởng Thôn Phìn S cam kết bàn giao các văn bản tố tụng cho chị S khi Tòa án V yêu cầu.

Đơn trình bày nguyện vọng ngày 09/09/2024 cháu Phàn Thị Hoài Tr và cháu Phàn Đức H có nguyện vọng xin được ở cùng bố là Phàn Thanh T.

Tại phiên tòa ngày 25/12/2024 bị đơn chị S vắng mặt không lý do, HĐXX ra quyết định hoãn phiên tòa và ấn định thời gian xét xử.

Tại phiên tòa ngày hôm nay anh Phàn Thanh T có đơn xin giải quyết vắng mặt. Chủ tọa phiên tòa thay mặt Hội đồng xét xử công bố toàn bộ nội dung đơn khởi kiện, bản tự khai, đơn đề nghị của anh Phàn Thanh T và các tài liệu kèm theo. Tại đơn đề nghị giải quyết vắng mặt anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là xin ly hôn với chị Phàn Thị S.

Về phần con chung: Tại đơn khởi kiện và bản tự khai anh T đề nghị được là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Phàn Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015 và Phàn Đức H, sinh ngày 18/04/2017 cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi; không yêu cầu chị Phàn Thị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản và công nợ chung: Anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí anh T tự nguyện chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa có ý kiến quan điểm về việc giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký là đúng quy định của pháp luật không có sai phạm kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án.

Về người tham gia tố tụng: Nguyên đơn anh T chấp hành, tuân thủ đúng pháp luật tố tụng có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn chị Phàn Thị S không tuân thủ, vắng mặt không có lý do Tòa án đã hoãn phiên tòa lần 1 ngày 25/12/2024, tại phiên tòa hôm nay chị S tiếp tục vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự là có căn cứ.

Về nội dung vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của anh Phàn Thanh T, xử cho anh Phàn Thanh T được ly hôn với chị Phàn Thị S.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cả hai con chung của anh T với chị S là các cháu Phàn Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015, Phàn Đức H, sinh ngày

18/04/2017 cho anh Phàn Thanh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi các con trưởng thành đủ 18 tuổi, chị Phàn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản, công nợ chung: Anh Phàn Thanh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị xem xét.

Về án phí: Anh Phàn Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí DSLH theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng dân sự: Anh Phàn Thanh T có đơn đề nghị về việc xin ly hôn với chị Phàn Thị S, có địa chỉ tại thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H được Tòa án nhân dân huyện V thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự, thủ tục luật định.

[2] Do chị Phàn Thị S (bị đơn) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không có mặt theo triệu tập của Tòa án nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải, chỉ mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và quyết định xét xử vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn anh Phàn Thanh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Anh Phàn Thanh T và chị Phàn Thị S trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu, hai bên tự nguyện tổ chức hỏi, cưới theo phong tục tập quán địa phương và về chung sống, có con với nhau trước sau đó mới đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H vào ngày 07/04/2017. Sau khi kết hôn vợ chồng anh T, chị S chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống nên thường xuyên cãi, chửi nhautừ đó hai anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Nay anh T thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, cuộc sống chung không hạnh phúc nên có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh T được ly hôn với chị Phàn Thị S để ổn định cuộc sống.

Hội đồng xét xử xét thấy anh T, chị S lấy nhau có được tự do tìm hiểu, tự nguyện tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán địa phương và chung sống với nhau khi chưa đủ tuổi kết hôn, đến khi có con chung cả hai đã tự nguyện đến UBND xã Minh Tân, huyện V Tuyên đăng ký kết hôn ngày 07/04/2017 khi hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014, do đó có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân giữa anh T và chị S là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ, chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về quan điểm sống nên thường xuyên cãi, chửi nhau, tuy hai vợ chồng còn chung sống nhưng cả hai không còn quan tâm đến nhau nữa mỗi người tự đi làm thuê

kiếm sống mà không trao đổi gì với nhau thể hiện tình cảm vợ chồng không còn yêu thương, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, mâu thuẫn đã ở mức trầm trọng nên việc anh T đề nghị xin ly hôn đối với chị S để ổn định cuộc sống và dành thời gian chăm sóc cho con là nguyện vọng chính đáng phù hợp với các quy định của pháp luật tại khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 được HĐXX chấp nhận.

[4] Về con chung: Trong quá trình chung sống anh T, chị S có hai con chung là Phan Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015; Phan Đức H, sinh ngày 18/04/2017. Hiện nay các con chung đang sinh sống và học tập ổn định tại thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân cùng với anh T. Từ khi khởi kiện anh T có nguyện vọng được là người trực tiếp nuôi con chung là cháu Tr và cháu H, không yêu cầu chị S phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng. Đơn trình bày nguyện vọng ngày 09/09/2024 cháu Phan Thị Hoài Tr và cháu Phan Đức H có nguyện vọng xin được ở cùng bố là Phan Thanh T. Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt anh T đề nghị Tòa án giải quyết giao cho anh T được trực tiếp nuôi cả hai con chung và không yêu cầu chị Phan Thị S phải cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy các con chung của anh T, chị S đều còn nhỏ cần được chăm sóc, nuôi dưỡng, học tập ổn định, trong khi theo tài liệu có trong hồ sơ và tại biên bản xác minh ngày 13/11/2024 với chính quyền địa phương thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V xác nhận chị Phan Thị S hay đi làm thuê bên ngoài địa phương, quá trình Tòa án giải quyết mặc dù biết việc anh T đề nghị ly hôn và yêu cầu được nuôi cả hai con nhưng chị S không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập, thể hiện việc chị S không còn quan tâm đến quan hệ hôn nhân và việc nuôi dạy con của mình, nên không có cơ sở giao cho chị Phan Thị S nuôi dưỡng các con. Căn cứ Điều 58; khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 và Điều 84 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. HĐXX quyết định giao con chung của anh T, chị S là cháu Phan Thị Hoài Tr và Phan Đức H cho anh Phan Thanh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo nguyện vọng của anh T là phù hợp với thực tế cũng như theo nguyện vọng của cháu Tr, cháu H và đúng quy định của pháp luật nên yêu cầu của anh T được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì quyền lợi của các con sau khi ly hôn anh T và chị S có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật. Chị Phan Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con hàng tháng.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Anh Phan Thanh T không yêu cầu giải quyết nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”. Anh Phan Thanh T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát huyện V, tỉnh H tham gia phiên tòa đồng thuận với ý kiến của Hội đồng xét xử được chấp nhận.

[8] Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28; Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 227, Điều 228; Điều 238; Điều 271; Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 58 khoản 1, khoản 2 Điều 81; khoản 1, khoản 3 Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 “Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án”.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” của anh Phan Thanh T đối với chị Phan Thị S.

2. Về quan hệ hôn nhân: Anh Phan Thanh T được ly hôn với chị Phan Thị S.

3. Về con chung: Giao cho anh Phan Thanh T, sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn Phìn Sảng, xã Minh Tân, huyện V, tỉnh H là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con chung là cháu Phan Thị Hoài Tr, sinh ngày 26/03/2015 và Phan Đức H, sinh ngày 18/04/2017 kể từ ngày 23/01/2025 cho đến khi các cháu Phan Thị Hoài Tr, Phan Đức H trưởng thành đủ 18 tuổi. Chị Phan Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng.

Sau khi ly hôn chị Phan Thị S có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom các con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của các con sau khi ly hôn anh T và chị S có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

4. Án phí ly hôn: Anh Phan Thanh T phải chịu 300.000. đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm anh Phan Thanh T đã nộp 300.000 đồng (*ba trăm nghìn đồng chẵn*) theo biên lai số 0001184 ngày 03 tháng 10 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh H (*Anh Phan Thanh T đã nộp đủ án phí*).

5. Quyền kháng cáo: Anh Phan Thanh T và chị Phan Thị S có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Pháp Luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7;

Điều 7a; Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Nguyên đơn, bị đơn;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Trần Xuân Đạt